

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH & XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 776/SLĐT BXH-BVCSTE&BDG
V/v Rà soát thực tế nhu cầu
cần hỗ trợ trẻ em năm 2018

Bình Phước, ngày 11 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: Phòng LĐTB&XH các huyện, thị xã

Thực hiện công văn số 260/QBT-KHTV ngày 25/5/2018 về việc thông báo nội dung hỗ trợ trẻ em năm 2018 của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam,

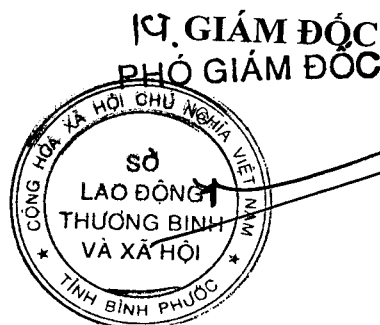
Để có căn cứ xây dựng kế hoạch đề xuất Trung ương có các hoạt động hỗ trợ trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị Phòng LĐTB&XH các huyện, thị xã phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, đánh giá nhu cầu thực tế của địa phương về các hoạt động cần thiết hỗ trợ cho trẻ em. Căn cứ vào nội dung các mục và chỉ tiêu chung của TW và của tỉnh, đề xuất những nội dung, chỉ tiêu phù hợp với địa phương mình (*yêu cầu: tổng hợp rõ số lượng, tên trẻ em, công trình, hiện trạng công trình cần hỗ trợ, địa chỉ cụ thể... theo bảng mẫu đính kèm*).

(Kèm theo công văn số 260/QBT-KHTV ngày 25/5/2018 của Quỹ Bảo trợ trẻ em).

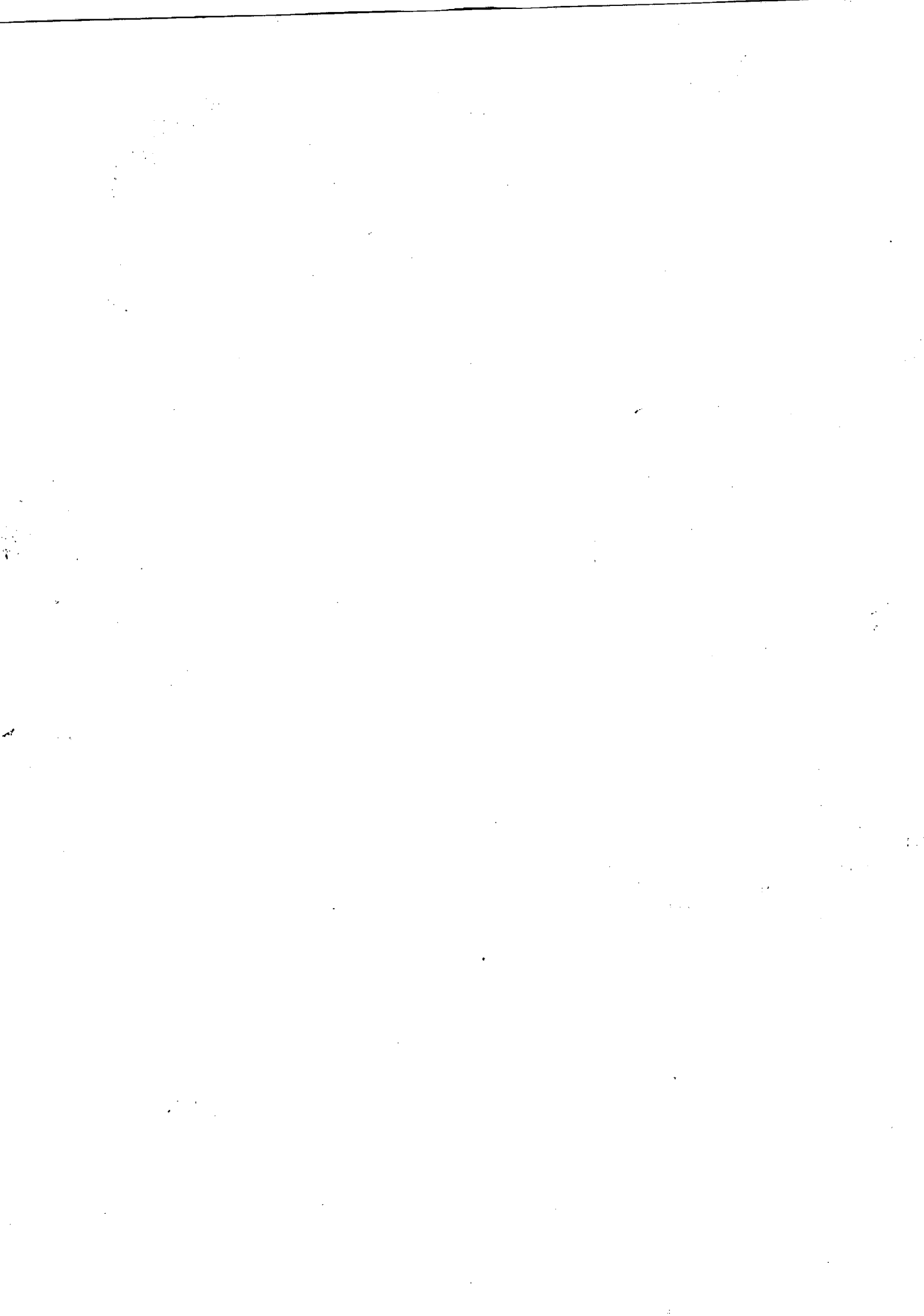
Báo cáo kết quả rà soát gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chậm nhất ngày 15/7/2018 để tổng hợp trình Trung ương hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, thị xã;
- BGD Sở;
- Lưu: VT, BVCSTE&BDG(H-04).



Trần Hữu Duyên



NỘI DUNG HỖ TRỢ TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo công văn số 776/SLĐTBXH-BVCSTE&BDG ngày 11/...6../2018)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Chỉ tiêu Trung ương	Chỉ tiêu của toàn tỉnh	Nhu cầu của huyện, thị xã
1	Khảo sát, khám phân loại các bệnh cần phẫu thuật	Trẻ em	12.000	500	
2	Hỗ trợ phẫu thuật và điều trị bệnh tim	Trẻ em	100	10	
3	Hỗ trợ phẫu thuật mắt	Trẻ em	2.000	20	
4	Hỗ trợ phẫu thuật dị tật vận động	Trẻ em	1.000	10	
5	Hỗ trợ phẫu thuật sứt môi, hở hàm ếch	Trẻ em	1.200	15	
6	Hỗ trợ công trình nước sạch cho trẻ em vùng khó khăn...(50 triệu đồng/công trình x 40 công trình/tỉnh)	Trẻ em	400	01 công trình	
7	Hỗ trợ sữa	Trẻ em	50.000	500	
8	Hỗ trợ học bổng cho học sinh vượt khó trong học tập (1 triệu đồng/suất)	Trẻ em	10.000	100	
9	Hỗ trợ dài hạn cho trẻ em đặc biệt khó khăn (5 triệu đồng/1 em/1 năm)	Trẻ em	500	10	
10	Hỗ trợ dụng cụ học tập cho học sinh nghèo, khó khăn đi học(500.000 đ/1 bộ)	Trẻ em	6.000	500	
11	Hỗ trợ xe đạp cho trẻ em nghèo, khó khăn có phương tiện đi học (1,750tr/1 chiếc)	Trẻ em	3000	50	
12	Hỗ trợ xây dựng, cải tạo lớp học, nhà nội trú cho học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn (từ 5 – 7 công trình xây dựng)	Trẻ em	10.000	01 trường	
13	Hỗ trợ xe lăn	Trẻ em	500	15	
14	Hỗ trợ điểm vui chơi cho trẻ em vùng sâu, vùng xa (80 triệu/điểm x 20 điểm)	Trẻ em	1.000	01 điểm	
15	Hỗ trợ trẻ em tự kỷ có hoàn cảnh khó khăn	Trẻ em	200	05	
16	Hỗ trợ tổ chức các sự kiện cho trẻ em nghèo, trẻ em khó khăn,.. để thực hiện quyền tham gia	Trẻ em	10.000	200	
17	Hỗ trợ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục và phòng chống nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục	Trẻ em	2.500	40	
18	Hỗ trợ trẻ em bị đuối nước và phòng tránh nguy cơ trẻ em bị đuối nước	Trẻ em	1.000	30	
19	Hỗ trợ trẻ em bị tai nạn thương tích	Trẻ em	100	5	
20	Hỗ trợ đột xuất hoặc hỗ trợ theo yêu cầu của nhà tài trợ	Trẻ em	8.500	100	
	Tổng		120.000		

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
QUỸ BẢO TRỢ TRẺ EM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 260/QBT-KHTV
V/v thông báo nội dung hỗ trợ
trẻ em năm 2018

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2018

Kính gửi: Đồng chí Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
tỉnh/thành phố

Thực hiện Quyết định số 2093/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ LĐTBXH về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Quyết định số 450/QĐ-LĐTBXH ngày 18/4/2018 của Bộ LĐTBXH về việc phê duyệt kế hoạch và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018. Quỹ BTTE Việt Nam kính đề nghị Sở LĐTBXH chỉ đạo Quỹ BTTE tỉnh/thành phố thực hiện một số nội dung sau:

Xây dựng kế hoạch hoặc đề xuất chi tiết hỗ trợ trẻ em tại các tỉnh/thành phố trọng tâm vào các nội dung: Khảo sát, khám phân loại các bệnh cần phẫu thuật; Hỗ trợ mổ tim; Hỗ trợ phẫu thuật mắt; Phẫu thuật nụ cười; Xe đạp; Dụng cụ học tập... (Xem bảng chi tiết nội dung đính kèm).

Đề đảm bảo đúng quy trình và thủ tục tài chính, đề nghị đơn vị cung cấp: Danh sách trích ngang của đối tượng hưởng lợi (đối với nội dung hỗ trợ phẫu thuật, hỗ trợ học bổng, dụng cụ học tập, xe đạp...); Hồ sơ hiện trạng, khái toán, hình ảnh hiện trạng (đối với các hoạt động xây dựng nhà ở nội trú, điểm trường hoặc công trình nước sạch).

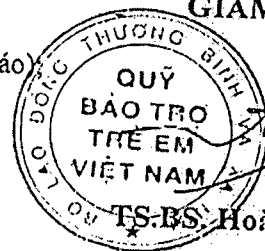
Các văn bản trên gửi về Quỹ BTTE Việt Nam chậm nhất trước ngày 30/8/2018. Quỹ BTTE Việt Nam chỉ hỗ trợ khi bố trí được nguồn kinh phí và các tỉnh/thành phố thực hiện đúng Quy trình hỗ trợ trẻ em đã ban hành.

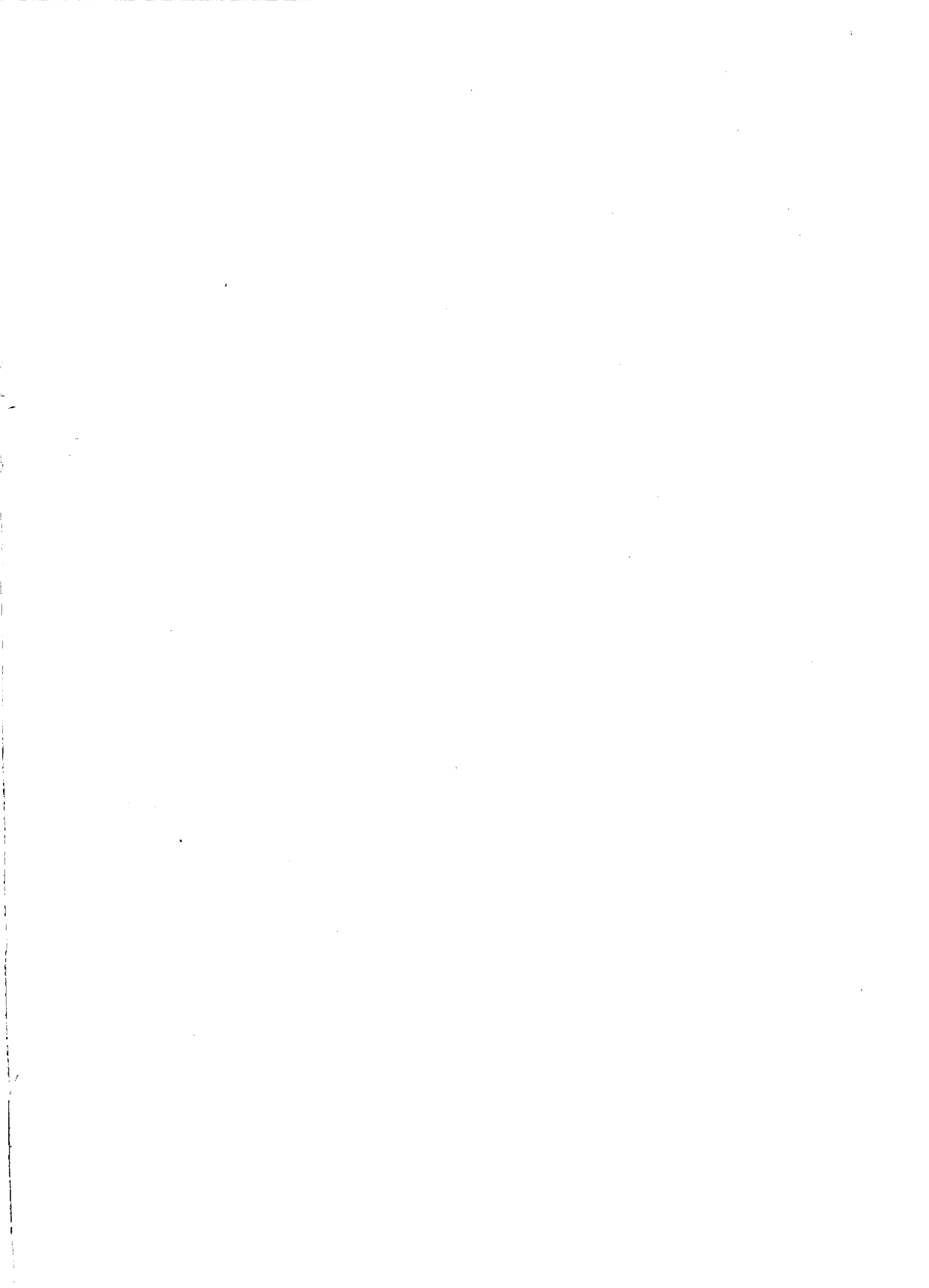
Quỹ BTTE Việt Nam rất mong nhận được sự hợp tác của Quý cơ quan.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.CTN Đặng Thị Ngọc Thịnh- chủ tịch HĐBT (để báo cáo);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thị Hà (để báo cáo);
- Cục BVCSTE; Cục BTXH; Vụ KHTC (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTV







NỘI DUNG HỖ TRỢ VÀ TỔNG CHỈ TIÊU HỖ TRỢ TRẺ EM
NGUỒN KINH PHÍ CỦA QUỸ BẢO TRỢ TRẺ EM VIỆT NĂM 2018
(Kèm theo Công văn số 26/QBT-KHTV ngày 25 tháng 05 năm 2018)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số trẻ em được hỗ trợ
1	Khảo sát, khám phân loại các bệnh cần phẫu thuật	Trẻ em	12.000
2	Hỗ trợ phẫu thuật và điều trị bệnh tim	Trẻ em	100
3	Hỗ trợ phẫu thuật mắt	Trẻ em	2.000
4	Hỗ trợ phẫu thuật dị tật vận động	Trẻ em	1.000
5	Hỗ trợ phẫu thuật sút môi, hở hàm ếch	Trẻ em	1.200
6	Hỗ trợ công trình nước sạch cho trẻ em vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn... (50 triệu đồng/công trình x 40 công trình)	Trẻ em	400
7	Hỗ trợ sữa	Trẻ em	50.000
8	Hỗ trợ học bổng cho học sinh vượt khó vươn lên trong học tập (1 triệu đồng/suất)	Trẻ em	10.000
9	Hỗ trợ bảo trợ dài hạn cho trẻ em đặc biệt khó khăn (5 triệu đồng/ 1 em /1 năm)	Trẻ em	500
10	Hỗ trợ dụng cụ học tập cho học sinh nghèo, khó khăn đi học (500.000 đ/1 bộ)	Trẻ em	6.000
11	Hỗ trợ xe đạp cho trẻ em nghèo, khó khăn... có phương tiện đi học (1,750 tr/1 chiếc)	Trẻ em	3.000
12	Hỗ trợ xây dựng, cải tạo lớp học, nhà nội trú cho học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn (từ 5-7 công trình xây dựng)	Trẻ em	10.000
13	Hỗ trợ xe lăn	Trẻ em	500
14	Hỗ trợ điểm vui chơi cho trẻ em vùng sâu, vùng xa (80 tr/ 1 điểm x 20 điểm)	Trẻ em	1.000
15	Hỗ trợ cho trẻ em tự kỷ có hoàn cảnh khó khăn được tham gia các khóa học can thiệp	Trẻ em	200
16	Hỗ trợ tổ chức các sự kiện cho trẻ em nghèo, trẻ em khó khăn... để thực hiện quyền tham gia	Trẻ em	10.000
17	Hỗ trợ cho trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục và phòng tránh nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục	Trẻ em	2.500
18	Hỗ trợ cho trẻ em bị tai nạn thương tích	Trẻ em	100
19	Hỗ trợ cho trẻ em bị đuối nước và phòng tránh nguy cơ trẻ em bị đuối nước	Trẻ em	1.000
20	Hỗ trợ đột xuất hoặc hỗ trợ khác theo yêu cầu của nhà tài trợ	Trẻ em	8.500
Tổng số		Trẻ em	120.000

